CẤU TRÚC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Đồng Ngọc Ba*

1. Về mặt phương pháp luận, cấu trúc hệ thống cũng như nội dung, hình thức và số lượng văn bản pháp luật về doanh nghiệp phải phù hợp với quan điểm về phân loại doanh nghiệp. Vì vậy, khi xác định cấu trúc hệ thống pháp luật về doanh nghiệp, vấn đề có tính lý luận cơ bản cần phải làm rõ là quan điểm về phân loại doanh nghiệp. Các loại hình doanh nghiệp được pháp luật quy định là biểu hiện cụ thể quan điểm của nhà nước về đảm bảo quyền tự do và bình đẳng trong kinh doanh. Trong cơ chế thị trường, loại hình doanh nghiệp đòi hỏi phải được pháp luật ghi nhận một cách đa dạng, trên quan điểm không phân biệt tính chất sở hữu và thành phần kinh tế. Về vấn đề này, chúng tôi chia sẻ với quan điểm cho rằng: "Về nguyên tắc, trong mọi trường hợp phải xóa bỏ tình trạng lấy chế độ sở hữu làm tiêu chí để phân biệt địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh. Thay vào đó, cần phải đưa vào tiêu chí pháp lí để xác định địa vị pháp lí hay tư cách thương gia của mỗi chủ thể tham gia kinh doanh trên thương trường. Bởi vì chỉ có như vậy mới có cơ hội tạo ra mặt bằng pháp lí chung thống nhất phù hợp với đặc điểm mang tính bản chất của thị trường là bản thân nó luôn đòi hỏi sự thống nhất"[1].

Theo chúng tôi, việc phân loại doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường cần dựa trên tiêu chí pháp lí chủ yếu là phương thức góp vốn và tính chất liên kết trong doanh nghiệp. Với tiêu chí này, tên gọi cũng như vấn đề pháp lý về tổ chức các loại hình doanh nghiệp được pháp luật quy định căn cứ vào phương thức các nhà đầu tư góp vốn và liên kết để kinh doanh. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp về cơ bản không bị chi phối bởi tính chất sở hữu hay thành phần kinh tế của nhà đầu tư. Các nhà đầu tư có quyền lựa chọn các hình thức doanh nghiệp do pháp luật quy định phù hợp với nhu cầu và điều kiện cụ thể của mình. Cách tiếp cận này không chỉ đảm bảo quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, mà còn là tiền đề quan trọng cho sự cạnh tranh bình đẳng trong kinh doanh. Chẳng hạn, với hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, không phụ thuộc vào chủ sở hữu duy nhất của công ty là ai (tổ chức hay cá nhân, nhà nước hay tư nhân, là chủ thể nước ngoài hay nhà đầu tư trong nước), địa vị pháp lý của công ty đều được xác định bởi một quy chế pháp lý thống nhất về tổ chức và hoạt động. Tương tự như vậy, khi các nhà đầu tư góp vốn vào các loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn (từ hai thành viên trở lên) và công ty cổ phần, tư cách pháp lý của họ sẽ là các thành viên hoặc cổ đông của công ty. Quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên và cổ đông được xác định trên cơ sở tính chất và giá trị của vốn góp (hay cổ phần), mà không có bất cứ sự phân biệt nào về tính chất sở hữu và thành phần kinh tế.

Từ quan điểm về tiêu chí phân loại doanh nghiệp như trên, các loại hình doanh nghiệp, không phụ thuộc vào tính chất và thành phần chủ sở hữu, đều được quy về một trong các hình thức cơ bản là: doanh nghiệp cá nhân, công ty hợp danh, công ty hợp danh hữu hạn (công ty hợp vốn đơn giản), công ty cổ phần và công ty trách

* Th. S Luật học, Đại học Luật Hà Nội

[1] TS Nguyễn Minh Mẫn, Đổi mới và hoàn thiện khung pháp luật kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam, Luận án PTS Luật học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 1996, Trang 134 - 135

nhiệm hữu hạn. Những loại hình doanh nghiệp này hàm chứa những đặc tính pháp lý khác nhau và, vì vậy cần được pháp luật điều chỉnh với những sự khác nhau nhất định về mặt tổ chức. Theo lôgíc đó, chúng tôi cho rằng, pháp luật về doanh nghiệp của Việt Nam hiện nay cần được hoàn thiện với cấu trúc bao gồm các chế định cơ bản là:

- Pháp luật về doanh nghiệp cá nhân;
- Pháp luật về công ty hợp danh;
- Pháp luật về công ty hợp danh hữu hạn;
- Pháp luật về công ty cổ phần;
- Pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn.

Với cấu trúc hệ thống pháp luật về doanh nghiệp như vậy, việc hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp có nội dung cơ bản là hoàn thiện các quy định về doanh nghiệp tư nhân và các loại hình công ty.

2. *Về phương diện kỹ thuật lập pháp,* vấn đề hình thức và cấu trúc văn bản pháp luật về doanh nghiệp cần được xác định một cách hợp lý. Trong giới nghiên cứu và lập pháp hiện nay, vẫn đang có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh việc ban hành một luật hay nhiều luật về doanh nghiệp. Theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật về doanh nghiệp được hoàn thiện theo hướng "tiếp tục phát huy những tác động tích cực của Luật Doanh nghiệp, tiến tới xây dựng một luật áp dụng thống nhất cho các loại hình doanh nghiệp khác nhau thuộc mọi thành phần kinh tế"[2]. Trên tinh thần chỉ đạo đó, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đưa Luật Doanh nghiệp (áp dụng chung cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế) vào chương trình chuẩn bị xây dựng Luật của Quốc hội nhiệm kỳ khóa IX (2002-2007)[3]. Theo tờ trình của Ban nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ về tư tưởng chỉ đạo và nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp (chung), Luật Doanh nghiệp (thống nhất) sẽ quy định các hình thức pháp lý của tổ chức sản xuất, kinh doanh, tức là về thành lập, tổ chức quản lý nội bộ, giải thể các loại hình doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Luật Doanh nghiệp (thống nhất) sẽ xóa bỏ những điểm khác biệt trong hệ thống luật hiện hành về trình tự và thủ tục thành lập, về tổ chức quản lý và quyền tự chủ kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp, về chế độ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, về giải thể doanh nghiệp. Bên cạnh đó, để hình thành môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp, xóa bỏ những phân biệt đối xử theo sở hữu, còn phải hoàn chỉnh tiếp nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (như về sử dụng đất đai, về tín dụng, thuế, thương mại, về hợp tác, cạnh tranh, phá sản...)[4].

Có ý kiến cho rằng, "để tạo một sân chơi bình đẳng cho mọi Doanh nghiệp không phân biệt sở hữu và để mở cửa hoàn toàn nền kinh tế trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu thì việc cải cách Luật Doanh nghiệp hay nói cách khác việc ban hành một Luật doanh nghiệp thống nhất là một bước đi quan trọng trong định hướng này"[5]. Ý kiến khác nêu rõ lý do phải ban hành một luật về doanh nghiệp là vì "hiện tại những điều khoản liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý nội bộ doanh nghiệp được quy định trong nhiều luật: Luật Doanh nghiệp,

---

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội năm 2001, Tr. 320-321.

[3] Nghị quyết của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam số 12/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khoá XI (2002-2007) và năm 2003 (Danh mục số 1, phần B, mục 2).

[4] Dự kiến nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp", Trích từ Tờ trình của Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ về tư tưởng chỉ đạo và nội dung cơ bản Luật Doanh nghiệp, Luật Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư, http://www.vibonline.com

[5] Cải cách Luật Doanh nghiệp, kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam, http://www. nclp.org.vn

Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước...gây chồng chéo và thiếu thống nhất. Ngoài ra, còn nhiều quy định khác biệt không cần thiết làm cho hệ thống pháp luật kinh doanh thiếu đồng bộ và nhất quán, còn phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư và các loại hình doanh nghiệp. Muốn khắc phục thì phải có một sự thống nhất trong một luật chung, đảm bảo tính công bằng và bình đẳng"[6]. Tiến sỹ Nguyễn Khắc Định cũng cho rằng, cần "xây dựng Luật Doanh nghiệp (mới) áp dụng chung cho mọi loại hình doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, kể cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài...Trong luật này, cần xác định rõ các hình thức tổ chức doanh nghiệp, đặc điểm, chế độ trách nhiệm, phạm vi hoạt động, thủ tục thành lập, cơ chế tổ chức quản lý nội bộ doanh nghiệp, quyền hạn và nghĩa vụ của doanh nghiệp, nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp; đồng thời xác định rõ phạm vi của nguyên tắc đối xử quốc gia...Với những phạm vi điều chỉnh như vậy, Luật này có thể được xây dựng trên cơ sở Luật Doanh nghiệp hiện hành, Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Hợp tác xã, một phần của Luật Đầu tư nước ngoài (phần các hình thức đầu tư), có bổ sung thêm các quy định cần thiết"[7].

Bên cạnh đó, cũng có ý kiến băn khoăn về tính khả thi của việc ban hành một luật về doanh nghiệp. Theo PGS.TS Nguyễn Như Phát, "về kỹ thuật và phương pháp lập pháp, khó có thể phản ánh được hết những đặc tính pháp lý và quản lý của mọi loại hình doanh nghiệp trong một đạo luật. Bởi lẽ suy cho cùng, những luật về từng loại hình doanh nghiệp nhìn chung đều mang tính tổ chức và vì vậy, chúng phải thể hiện những đặc tính khác biệt về tổ chức và quản lý của từng loại hình doanh nghiệp đó"[8]. PGS.TS Dương Đăng Huệ cho rằng: "xét về chức năng thì pháp luật về các loại hình doanh nghiệp là pháp luật liên quan đến các vấn đề tổ chức chứ không phải là pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Chính trên quan điểm này mà tác giả thực sự băn khoăn về ý kiến của một số người cho rằng, cần phải ban hành sớm Luật Doanh nghiệp chung để xóa bỏ tình trạng không bình đẳng hiện nay giữa các loại hình doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế nước ta. Theo tác giả, hy vọng này là không tưởng vì sự ra đời của Luật Doanh nghiệp chung không thể có khả năng mang lại điều kỳ diệu đó...Vì vậy, muốn tạo lập một môi trường kinh doanh bình đẳng thì vấn đề không phải là xây dựng một Luật Doanh nghiệp chung mà là phải sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các luật có liên quan"[9].

Theo chúng tôi, pháp luật về doanh nghiệp cần phải đảm bảo tính thống nhất là quan điểm hoàn toàn đúng đắn. Tuy nhiên, tính thống nhất của pháp luật về doanh nghiệp cần được tiếp cận và nhấn mạnh về khía cạnh nội dung, thay vì hình thức và số lượng văn bản pháp luật. Về mặt khoa học, cần khẳng định rằng thống nhất pháp luật về doanh nghiệp là sự sắp xếp các quy định pháp luật về doanh nghiệp thành một chỉnh thể, với những bộ phận cấu thành tương thích, không mâu thuẫn nhau, không chồng chéo nhau. Còn vấn đề xác lập các quy định đó trong một văn bản hay nhiều văn bản pháp luật, về cơ bản chỉ có tính chất kỹ

[6] Báo cáo buổi tọa đàm về tinh thần chỉ đạo Luật Doanh nghiệp thống nhất, Luật Khuyến khích và bảo hộ đầu tư, do Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp tổ chức tại Cần Thơ ngày 12/05/2004, Web: http://www.sme-gtz.org.vn

[7] Nguyễn Khắc Định - Hoàn thiện pháp luật đầu tư nước ngoài trong xu hướng nhất thể hoá pháp luật về đầu tư ở Việt Nam, Luận án Tiến sỹ Luật học, Hà Nội 2003, trang 178.

[8] TS Nguyễn Như Phát, Dự thảo Luật Doanh nghiệp - Một số vấn đề phương pháp luận, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 5/1999, Trang 46.

[9] PGS.TS Dương Đăng Huệ, *Luật Doanh nghiệp chung: cần hay không cần ban hành?*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số tháng 05 năm 2004.

thuật lập pháp. Ban hành một luật về doanh nghiệp, nhưng không đảm bảo sự tương thích, phù hợp về nội dung giữa các quy phạm của nó, thì cũng có nghĩa là chưa đảm bảo tính thống nhất của pháp luật về doanh nghiệp. Ngược lại, việc ban hành nhiều luật về doanh nghiệp vẫn có thể đảm bảo tính thống nhất của pháp luật về doanh nghiệp, nếu nội dung của các luật này không mâu thuẫn, không chồng chéo nhau. Thực tiễn cho thấy, đa số các nước hiện nay ban hành nhiều luật về doanh nghiệp để điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Pháp luật về doanh nghiệp được coi là thống nhất khi và chỉ khi nó bao hàm các quy phạm phản ánh được cả những điểm chung và cả những đặc tính riêng của mỗi loại hình doanh nghiệp. Việc ban hành một luật hay nhiều luật đều phải đáp ứng yêu cầu này. Trên quan điểm đó, khi xây dựng và hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp, cần lưu ý một số điểm sau đây:

Thứ nhất, việc thống nhất pháp luật doanh nghiệp không nhất thiết phải có điều kiện tiên quyết là pháp điển hóa pháp luật doanh nghiệp; nghĩa là đưa tất cả các quy định pháp luật về mọi loại hình doanh nghiệp vào trong một văn bản pháp luật. Việc pháp điển hóa pháp luật, suy cho cùng chỉ là một nghiệp vụ mang tính kỹ thuật lập pháp. Việc thống nhất pháp luật về phương diện nội dung mới chính là tạo được thống nhất về chính sách pháp luật và tư duy pháp lý. Đây cũng mới chính là cơ hội để thiết lập sự thống nhất bên trong của pháp luật, phá tan sự mâu thuẫn nội tại và hình thành sự minh bạch của pháp luật.

Thứ hai, việc thống nhất (hay pháp điển hóa) pháp luật doanh nghiệp không có ý nghĩa quyết định đến việc tạo "môi trường pháp lý bình đẳng trong kinh doanh" của các loại hình doanh nghiệp. Những lĩnh vực pháp luật có nhiệm vụ chủ yếu để thiết lập sự bình đẳng về pháp lý trong quá trình tồn tại và hoạt động của các doanh nghiệp (sau khi doanh nghiệp đã được thành lập) là những lĩnh vực pháp luật không được xếp vào hệ thống pháp luật doanh nghiệp (chẳng hạn như, pháp luật về dân sự, về hợp đồng, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về thuế, hải quan...).

Thứ ba, cần xác định rõ tính chất và mục tiêu của pháp luật về doanh nghiệp. Như chúng ta đều thấy, pháp luật về doanh nghiệp là loại pháp luật mang tính tổ chức. Nói khác đi, đó là loại pháp luật phải giải quyết vấn đề tổ chức và quản lý các loại chủ thể kinh doanh trong cơ chế thị trường. Mục đích cơ bản hướng tới của pháp luật về doanh nghiệp phải được xác định là, tạo ra sự an toàn về mặt pháp lý, giảm thiểu rủi ro và chi phí cho các nhà đầu tư trong quá trình tổ chức vận hành doanh nghiệp, từ khi khởi sự kinh doanh cho đến khi rút khỏi thương trường. Trong khi thực hiện nhiệm vụ nhằm đạt được mục đích này, pháp luật doanh nghiệp buộc phải thực thi việc mô tả chi tiết về những đặc tính và dấu hiệu về kinh tế - tổ chức - quản lý (không luôn giống nhau) của các loại hình doanh nghiệp; và như vậy, pháp luật doanh nghiệp không thể tạo ra nhiều những "mẫu số chung" của các loại hình doanh nghiệp mà từ đó có thể có những "mặt bằng pháp lý bình đẳng" cho các hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, với tính cách là pháp luật của việc xác lập "đầu vào" của thị trường, pháp luật về doanh nghiệp cũng cần có những tư tưởng và quan niệm thống nhất về việc thể chế hóa một cách cụ thể nguyên tắc tự do kinh doanh, mà cụ thể là tự do thành lập doanh nghiệp của các nhà đầu tư. Trong chừng mực đó, pháp luật về doanh nghiệp cũng có "mẫu số chung" nào đó cho mọi loại hình doanh nghiệp, trong khi các vấn đề "kỹ thuật" của việc thành lập và quản trị các loại hình doanh nghiệp vẫn không cần phải thống nhất.